

Số: /TTr-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước như sau.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Ngày 13/6/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2011/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Sau 10 năm thực hiện Nghị định, việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước đã đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí, làm cho hoạt động của các cơ quan nhà nước được minh bạch, hiệu quả hơn; góp phần phòng, chống tham nhũng, thực hiện cải cách hành chính toàn diện. Tuy nhiên, việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, trong cả thực tế triển khai và môi trường pháp lý, đồng thời cũng cần nghiên cứu vận dụng kinh nghiệm quốc tế về cung cấp dịch vụ trực tuyến vào thực tiễn phát triển của Việt Nam.

1. Những kết quả đã đạt được

a) Về cung cấp thông tin

- 100% bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trang/cổng thông tin điện tử;

100% Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có trang/cổng thông tin điện tử để cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng;

- 100% Cổng thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công khai thông tin chủ yếu đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP;

- 100% Cổng thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép tìm kiếm và tải về các văn bản quy phạm pháp luật;

- 100% Cổng thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chức năng tiếp nhận, phản hồi thông tin từ người dân và đăng tải đầy đủ các câu hỏi, trả lời trong mục Trao đổi - Hỏi đáp, cho phép người dân đánh giá và xếp hạng đối với một số nội dung thông tin mà cơ quan cung cấp;

- Theo Báo cáo khảo sát xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc năm 2020, chỉ số Tham gia trực tuyến (E-participation) của Việt Nam xếp ở vị trí số 70/193, tăng 2 bậc so với năm 2018 và xếp ở mức cao.

b) Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- 100% bộ, ngành, địa phương đã có Cổng dịch vụ công, Hệ thống một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) và từng bước tích hợp dịch vụ lên Cổng dịch vụ công Quốc gia;

- Tính đến tháng 9/2021, tỉ lệ DVCTT mức độ 3, 4 trung bình của cả nước đạt 68,20%; trong đó tỉ lệ DVCTT mức độ 3 là 19,93%, tỉ lệ DVCTT mức độ 4 là 48,27%;

- Về hiệu quả cung cấp DVCTT, tính từ thời điểm dịch bệnh COVID-19 diễn ra, tỉ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến tăng nhanh, gấp 2,6 lần (năm 2019 là 14,63%; năm 2020 là 37,82%). Một số lĩnh vực có hiệu quả cao như thuế (99,8% doanh nghiệp khai thuế điện tử), hải quan (99,7% doanh nghiệp thực hiện hải quan điện tử), DVCTT về chi Ngân sách nhà nước (NSNN) tại hệ thống Kho bạc Nhà nước đạt 100% số đơn vị sử dụng ngân sách (trừ khối an ninh quốc phòng) và đạt 98% giao dịch chi NSNN được thực hiện trực tuyến.

- Một số bộ, tỉnh tiêu biểu trong việc cung cấp DVCTT, như Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã cung cấp 100% DVCTT mức độ 4; tỉnh Tây Ninh cung cấp 96,86% DVCTT mức độ 4; tỉnh Ninh Thuận cung cấp 91,42%; tỉnh Nam Định cung cấp 86,05%; thành phố Đà Nẵng cung cấp 81,42% DVCTT mức độ 4...;

- Về đánh giá quốc tế, theo Báo cáo khảo sát xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc năm 2020, chỉ số Dịch vụ trực tuyến (OSI – Online Service Index) của Việt Nam được xếp ở mức cao, có vị trí thứ 81 trong 193 nước được xếp hạng.

2. Những tồn tại, hạn chế

a) Về cung cấp thông tin

- Về hoạt động cung cấp thông tin:

Giao diện truy cập thông tin trên các trang/cổng thông tin điện tử của nhiều cơ quan nhà nước thiếu tính thân thiện, phức tạp, có quá nhiều mục tin, sắp xếp theo lĩnh vực quản lý của cơ quan nhà nước, mà chưa thể hiện nội dung để người dân dễ dàng tìm kiếm, truy cập khi cần; Thông tin về cùng một nội dung có khi chưa được cung cấp thống nhất giữa các trang thông tin điện tử khác nhau, đặc biệt là việc cập nhật các quy định, chính sách;

Khả năng tương tác hai chiều giữa cơ quan nhà nước với người dân còn hạn chế; người dân thường phải gọi điện đến đường dây nóng, hoặc gửi câu hỏi, kiến nghị đến mục Hỏi & Đáp trên Cổng thông tin điện tử và sau một khoảng thời gian khá lâu mới được trả lời; chức năng giao tiếp trực tuyến với cơ quan nhà nước theo thời gian thực gần như chưa được thực hiện;

Chưa đa dạng kênh cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp; việc truy cập đến trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên thiết bị di động còn rất hạn chế.

- Về môi trường pháp lý cung cấp thông tin:

Nội dung quy định về cung cấp thông tin tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP có một số tồn tại, hạn chế, thiếu cập nhật so với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau này, như Luật Tiếp cận thông tin, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và công nghệ,...

Một số bộ, ngành, địa phương phản ánh, kiến nghị các vướng mắc khi công khai một số thông tin mang tính nhạy cảm hoặc không quy định phải công khai theo Luật Tiếp cận thông tin; Luật An toàn thông tin mạng (*Ví dụ: lịch làm việc của lãnh đạo; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức*).

Chưa có các quy định đối với trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) để bảo đảm sự thống nhất; chưa có quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo cung cấp thông tin về quản lý nhà nước trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan mình; chưa có quy định về nhân lực duy trì, vận hành Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước

cấp sở, cấp huyện (hiện tại chủ yếu nhân lực này là kiêm nhiệm, ảnh hưởng đến việc cập nhật, cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời).

- Về cập nhật xu hướng quốc tế:

Các quy định về trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP còn chưa phù hợp với cách đánh giá của các tổ chức thế giới, ví dụ như Báo cáo khảo sát xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc năm 2020 khi đánh giá Cổng thông tin điện tử của một số thành phố được chọn lựa trên thế giới gồm 80 chỉ số liên quan đến bốn tiêu chí: công nghệ; cung cấp nội dung; cung cấp dịch vụ; sự tham gia và gắn kết.

b) Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Về hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

Mặc dù đã đạt được các kết quả quan trọng, tuy nhiên đến nay, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vẫn còn nhiều hạn chế, cả về số lượng và chất lượng. Cụ thể như sau:

Vẫn còn 09/20 bộ, cơ quan ngang bộ (chiếm 45%) và 13/63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (chiếm 20,63%) có tỉ lệ DVCTT mức độ 4 dưới 30% (*chưa đạt mục tiêu cung cấp tối thiểu 30% DVCTT mức độ 4 trong năm 2020 nêu tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-CP*);

Tỉ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến còn thấp, trung bình cả nước chỉ đạt 32,15%; Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính còn thấp, trung bình cả nước chỉ đạt 29,29%.

- Về môi trường pháp lý cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

Mặc dù môi trường pháp lý cho cung cấp DVCTT tiếp tục được hoàn thiện tại các văn bản quy phạm pháp luật sau này (*gồm Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử*), nhưng đến nay, vẫn chưa có một văn bản quy phạm pháp luật quy định quản lý tổng thể toàn trình, toàn diện việc cung cấp DVCTT; đáp ứng xu thế cung cấp dịch vụ trực tuyến ngày càng đa dạng về thể loại và thông qua nhiều kênh cung cấp khác nhau.

Để quản lý được toàn trình, văn bản quy phạm pháp luật phải quy định được toàn bộ các bước trong quy trình dịch vụ (*tiêu biểu gồm các bước: nộp hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ; giải quyết hồ sơ; trả kết quả tới người dân, doanh nghiệp*). Để quản lý được toàn diện, văn bản quy phạm pháp luật phải quy định được các yếu tố, điều kiện để thực thi các bước trong quy trình dịch vụ, bao gồm cả các quy định

về mặt kỹ thuật (*Ví dụ như: các yêu cầu về kỹ thuật khi thiết kế, triển khai, cung cấp, giám sát tự động, ...*).

Để đáp ứng xu thế cung cấp dịch vụ trực tuyến ngày càng đa dạng về thể loại và thông qua nhiều kênh cung cấp khác nhau, văn bản quy phạm pháp luật phải quy định thêm các dịch vụ công trực tuyến (ngoài dịch vụ hành chính công) và quy định thêm các kênh để cung cấp dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện, cá thể hoá theo nhu cầu, mọi lúc, mọi nơi, qua nhiều thiết bị (ngoài việc cung cấp qua Cổng dịch vụ công).

So với các đòi hỏi thực tế ở trên, các quy định về cung cấp dịch vụ nêu tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP còn nhiều hạn chế. Cụ thể:

+ Về kênh cung cấp dịch vụ: Nghị định số 43/2011/NĐ-CP quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, chưa quy định cho việc cung cấp DVCTT qua các kênh cung cấp khác (Ứng dụng di động, mạng xã hội...). Mặc dù khi thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh và tích hợp với Cổng thông tin điện tử của bộ, tỉnh để cung cấp DVCTT cho người dân, doanh nghiệp, nhưng Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thiếu tính thân thiện, đơn giản cho tất cả các đối tượng người dân (*bao gồm cả những người có kỹ năng về công nghệ thông tin thấp, người khuyết tật...*);

+ Về việc chuẩn hoá dịch vụ công: Theo Khoản 3, Điều 4 của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP thì mỗi dịch vụ hành chính công gắn liền với một thủ tục hành chính để giải quyết hoàn chỉnh một công việc cụ thể liên quan đến tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, hiện nay chưa chuẩn hóa được nội dung, danh mục dịch vụ công của trên phạm vi cả nước, nên việc triển khai DVCTT thiếu hiệu quả; khó nhân rộng, sử dụng lại các nền tảng cung cấp DVCTT trong các cơ quan nhà nước; việc thống kê số lượng DVCTT trên quy mô toàn quốc cũng gặp khó khăn, thiếu thống nhất.

+ Về xác định mức độ cung cấp DVCTT: Nội dung quy định về tiêu chí, cách thức xác định mức độ dịch vụ công trực tuyến trong Nghị định số 43/2011/NĐ-CP vẫn còn chưa rõ ràng, nên nhiều bộ, ngành, địa phương hiểu không thống nhất về cách xác định mức độ cung cấp DVCTT;

+ Về định danh, xác thực điện tử: Quy định về danh tính số, định danh, xác thực điện tử trong các giao dịch trên môi trường mạng hiện vẫn đang được nghiên cứu, xây dựng để thực hiện thống nhất trên toàn quốc, không chỉ áp dụng trong các giao dịch với cơ quan nhà nước. Hiện một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

yêu cầu người dân đăng ký và xác thực bằng tài khoản email để sử dụng, trong khi nhiều người dân không có email (tình trạng chung của đa số người dân ở nông thôn). Khi nộp hồ sơ xong, sau một thời gian khá lâu, người dân mới có thể nhận được thông báo của cơ quan nhà nước về việc tiếp nhận hồ sơ và thường thông báo qua email.

+ Về liên thông quy trình thủ tục, dữ liệu: Chưa có quy định về liên thông quy trình, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình xử lý hồ sơ của người dân, doanh nghiệp; điều này cản trở việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến để giảm thiểu giấy tờ người dân phải cung cấp, hạn chế tình trạng người dân phải cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước. Nhiều khi còn phát sinh một số quy trình xử lý hồ sơ ngoài các quy định hiện hành, như yêu cầu nộp đồng thời trực tuyến và trực tiếp cùng 01 hồ sơ trước khi tiếp nhận, xử lý (ví dụ: Cấp lý lịch tư pháp); trả hồ sơ bằng dịch vụ bưu chính ngoài công ích, cán bộ tự trả kết quả hồ sơ tại nhà; thanh toán phí, lệ phí thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích...;

- Về cập nhật xu hướng của thế giới:

Mặc dù theo đánh giá của Liên Hợp Quốc năm 2020, chỉ số Dịch vụ trực tuyến (OSI – Online Service Index) của Việt Nam được xếp ở mức cao, tuy nhiên một số tiêu chí đánh giá việc cung cấp dịch vụ của Liên Hợp Quốc so với Việt Nam đang thực hiện theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP còn chưa được cập nhật, thống nhất: *tiêu chí đánh giá sử dụng ứng dụng di động để cung cấp dịch vụ chính phủ điện tử; có hỗ trợ tính năng mạng xã hội; hỗ trợ xác thực hoặc danh tính số,...*

Một số nước có xếp hạng cao về chỉ số Dịch vụ trực tuyến theo Báo cáo khảo sát xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc năm 2020 (*như Singapore, xếp hạng 5/193; Anh, xếp hạng 6/19; Úc, xếp hạng 7/193; Ấn Độ, xếp hạng 24/193*) đã ban hành chính sách, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về dịch vụ trực tuyến do các cơ quan công quyền cung cấp nhằm mục đích tăng khả năng linh hoạt, nhanh chóng cung cấp dịch vụ mới, cho phép sự tham gia nhiều hơn của người dân, doanh nghiệp. Trong khi Việt Nam vẫn chưa có hướng dẫn về các yêu cầu kỹ thuật khi thiết kế, triển khai, cung cấp, giám sát tự động... cho các dịch vụ trực tuyến của cơ quan nhà nước.

Việc phân chia mức độ DVCTT, kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến (như sử dụng ứng dụng di động, mạng xã hội...), các yêu cầu kỹ thuật về cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP còn chưa theo kịp với xu hướng phát triển chính phủ số của thế giới.

3. Sự cần thiết xây dựng và ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP

Để khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế như đã phân tích ở trên, đồng thời cập nhật các nội dung mới phù hợp với sự phát triển công nghệ, thực tiễn cung cấp dịch vụ trực tuyến trong nước và quốc tế, bảo đảm tính khả thi khi thực hiện các mục tiêu phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số nói chung và mục tiêu Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội nói riêng, việc xây dựng và ban hành một Nghị định mới thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP là hết sức cần thiết. Trong đó, môi trường pháp lý phải tạo điều kiện để triển khai các định hướng lớn về cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trong giai đoạn mới, cụ thể như:

- Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến đa dạng, bất cứ lúc nào, bất cứ đâu và trên bất cứ phương tiện gì;
- Chỉ cung cấp một lần đối với dữ liệu yêu cầu người dùng cung cấp cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến;
- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, an toàn bảo mật, được chuẩn hoá;
- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình được quản lý và giám sát;
- Tích hợp dịch vụ xung quanh nhu cầu người dân và doanh nghiệp;
- Thay đổi văn hoá làm việc, thể chế để cung cấp kịp thời dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước;
- Sản phẩm phần mềm dịch vụ công trực tuyến được cung cấp dưới dạng dịch vụ;
- Cùng người dùng tạo dịch vụ công trực tuyến và tạo kênh tương tác tích cực với người dân, doanh nghiệp;
- Tạo hệ sinh thái cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước.

Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao nhiệm vụ Nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao nhiệm

vụ Nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Với các nội dung nêu trên, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến thời gian qua, đồng thời bổ sung các quy định mới phù hợp với sự phát triển công nghệ, thực tiễn cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong nước và quốc tế; hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về chuyển đổi số hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

- Bảo đảm các điều kiện cho việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng được đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, thuận tiện, an toàn qua nhiều kênh cung cấp khác nhau; có sự tương tác tích cực hai chiều với người dân (bao gồm cả những người yếu thế) và doanh nghiệp;

- Bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước, bảo đảm cho người dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước theo nhu cầu một cách thuận tiện, đa kênh, đơn giản, an toàn và nhanh chóng;

- Bảo đảm tính khả thi khi thực hiện các mục tiêu phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số nói chung và mục tiêu Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội nói riêng trong Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Bảo đảm phù hợp, thống nhất với Hiến pháp và các quy định của pháp luật có liên quan; Thể chế hóa kịp thời các chủ trương, quan điểm của Đảng về thúc đẩy chuyển đổi số; Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, định hướng cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, phát triển chính phủ số trong giai đoạn mới.

- Tạo khung pháp lý toàn diện về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước; Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao triển khai nhiệm vụ: Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao nhiệm vụ: Nghiên cứu, xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định).

Để tổ chức xây dựng Nghị định, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Ban soạn thảo Nghị định do Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng làm Trưởng ban, Cục trưởng Cục Tin học hóa làm Phó Trưởng ban và thành viên là đại diện Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nội vụ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tư pháp; Bộ Công Thương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một số đơn vị liên quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông theo Quyết định số 1373/QĐ-BTTTT ngày 07/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Sau khi hoàn thiện dự thảo Nghị định, ngày 19/10/2021, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Công văn số 4131/BTTTT-THH gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Công văn số 4139/BTTTT-THH gửi một số tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp về công nghệ thông tin (CNTT) đề nghị góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông trong thời gian 60 ngày theo quy định (từ ngày 10/9/2021); tổ chức hội thảo lấy ý kiến.

Đến thời điểm hiện tại, Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được ý kiến góp ý của 76 đơn vị qua đường công văn (gồm 20 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan

thuộc Chính phủ; 50 Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 06 tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp về CNTT); không nhận được ý kiến nào qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ và qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền. Trong đó, có 28 đơn vị thống nhất hoàn toàn với dự thảo Nghị định; 53 đơn vị thống nhất về sự cần thiết ban hành Nghị định và có ý kiến tham gia cụ thể về một số điều, khoản trong dự thảo Nghị định. Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉnh sửa Hồ sơ dự thảo Nghị định.

Trong quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP để bảo đảm không quy định chồng chéo, mâu thuẫn.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã có công văn gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đến Bộ Tư pháp để thẩm định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định có 5 chương, gồm 33 Điều, cụ thể như sau:

Chương I: Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 3);

Chương II: Cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng (từ Điều 4 đến Điều 10);

Chương III: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng (từ Điều 11 đến Điều 16);

Chương IV: Bảo đảm hoạt động cung cấp, sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng (từ Điều 17 đến Điều 27);

Chương V: Tổ chức thực hiện (từ Điều 28 đến Điều 33).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

a) Chương I: Quy định chung

Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ.

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Đối tượng áp dụng:

+ Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng cục, Cục và cơ quan tương đương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn trực thuộc; Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã,

thành phố thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố.

+ Các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng thông tin, dịch vụ công trực tuyến theo quy định trên môi trường mạng.

+ Cơ quan, tổ chức nhà nước khác tự nguyện áp dụng các quy định của Nghị định này.

- Giải thích từ ngữ: Giải thích một số từ ngữ để thống nhất cách hiểu trong Nghị định này.

b) Chương II: Cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

Quy định cụ thể về việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, gồm các nội dung:

- Thông tin cung cấp trên môi trường mạng;
- Các kênh cung cấp thông tin trên môi trường mạng (Các kênh cung cấp thông tin trên môi trường mạng của cơ quan nhà nước; các yêu cầu, điều kiện đối với các kênh cung cấp này);
- Công thông tin điện tử (Tên miền, vị trí, vai trò và mối liên hệ của công thông tin điện tử với các hệ thống thông tin khác trong việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng);
- Các chức năng cung cấp thông tin cơ bản của công thông tin điện tử;
- Tương tác với cá nhân, tổ chức (Chức năng, trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tương tác với cá nhân, tổ chức trên môi trường mạng);
- Kết nối, chia sẻ thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
- Quản lý, giám sát cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng (Trách nhiệm của các cơ quan trong việc cung cấp, quản lý, giám sát hoạt động cung cấp thông tin).

c) Chương III: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng

Quy định việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; các mức độ, kênh cung cấp, các yêu cầu kỹ thuật và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng, gồm các nội dung:

- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

- Danh mục dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước (Hình thức, nội dung để giới thiệu, đăng tải dịch vụ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng);

- Kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến (Các kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước; các yêu cầu về tên miền, kết nối, đồng bộ của các kênh cung cấp);

- Các yêu cầu kỹ thuật khi cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng (Các yêu cầu như tiêu chuẩn, quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật, các yêu cầu khác khi thiết kế, cung cấp dịch vụ công trực tuyến);

- Trách nhiệm cung cấp dịch vụ công trực tuyến (Trách nhiệm cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Khuyến khích các cơ quan nhà nước cung cấp các dịch vụ công trực tuyến khác ngoài dịch vụ hành chính công để phục vụ tổ chức, cá nhân);

- Giám sát, đánh giá hiệu quả, mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến (Trách nhiệm của các cơ quan trong việc quản lý, giám sát hiệu quả, mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến).

d) Chương IV: Bảo đảm hoạt động cung cấp, sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

Quy định các điều kiện bảo đảm phát triển, duy trì hoạt động cung cấp, sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước, gồm các nội dung:

- Bảo đảm nhân lực: Ban Biên tập cổng thông tin điện tử; Nhân lực xử lý dịch vụ công trực tuyến; Nhân lực quản trị kỹ thuật; Đào tạo nguồn nhân lực.

- Bảo đảm kinh phí: Kinh phí duy trì hoạt động và phát triển cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Kinh phí bảo đảm cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin; Kinh phí tạo lập thông tin và chi trả nhuận bút, cung cấp thông tin.

- Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật: Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; Bảo trì, bảo dưỡng, duy trì hoạt động, nâng cấp, chỉnh sửa cung cấp thông tin, dịch vụ; Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật; Bảo đảm an toàn thông tin mạng.

g) Chương V: Tổ chức thực hiện

Quy định cụ thể về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị trong việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của

cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Quy định về hiệu lực và trách nhiệm thi hành sau khi Nghị định được ban hành và có hiệu lực.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Các ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức đã được Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp thu và giải trình đầy đủ; không tồn tại các vấn đề hoặc mâu thuẫn cần xin ý kiến Chính phủ để giải quyết.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, Bộ Thông tin và Truyền thông xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng (để b/c) và các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, THH (TTDVCTT). (12b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Huy Dũng